

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DS-PT

Ngày 19-3-2024

V/v tranh chấp tiền bồi thường giá
trị quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Ái Loan

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh vụ án dân sự thụ lý số 05/2024/TLPT-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp tiền bồi thường giá trị quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 52/2023/DS-ST, ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2024/QĐ-PT, ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Võ Thanh H, sinh năm 1970; cư trú tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1953; cư trú tại khóm E, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Tiểu Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đầu tư xây dựng công trình Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông H - tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2) trên địa bàn huyện D (vắng mặt).

Ngoài ra, còn có sự tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần, có ông Nguyễn Xuân T, Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- **Người kháng cáo:** Bà Trần Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Thanh H trình bày: Anh được bà Nguyễn Thị

L1 là mẹ ruột của anh tặng cho diện tích đất 6.824m², thửa số 185, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Do diện tích đất của anh giáp ranh liền kề với diện tích đất của bà Trần Thị L, thửa số 183. Nhưng lúc mẹ của anh chuyển nhượng một phần đất cho ông Trần Văn C thì có chừa lại một phần diện tích đất để làm đường dẫn nước ra vào phần diện tích đất mà mẹ của anh đã tặng cho anh. Đến khi ông C chuyển nhượng lại diện tích đất cho bà L và Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L thì cấp chồng lấn qua một phần diện tích đất của anh đang trực tiếp sử dụng. Khi địa phương thực hiện thủ tục thu hồi diện tích đất 631,2m² để giải phóng mặt bằng phục vụ công trình Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông H giai đoạn 2 và bồi thường giá trị đất, số tiền bằng 140.616.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) thì bà L không đồng ý ký tên vào hồ sơ để cho anh được nhận số tiền bồi thường. Vì vậy, anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nhận tiền bồi thường sau khi thu hồi đất bằng 140.616.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

Theo bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Nguồn gốc đất có diện tích 13.965m², thửa số 183, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, là do bà nhận chuyển nhượng từ người anh ruột của bà tên Trần Văn C và được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001. Phần diện tích đất bị thu hồi 631,2m² nằm trong quyền sử dụng đất của bà nên bà không đồng ý cho anh H được nhận tiền bồi thường giá trị đất.

Theo người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tiểu Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đầu tư xây dựng công trình Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông H - tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2) trên địa bàn huyện D trình bày: Để thực hiện dự án giải phóng mặt bằng công trình Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông H giai đoạn 2 địa bàn huyện D, Ủy ban nhân dân huyện D ra quyết định thu hồi diện tích đất 631,2m², thửa số 183, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh, số tiền bồi thường tổng cộng bằng 140.616.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng). Do tranh chấp giữa bà L và anh H nên số tiền bồi thường được giữ lại tại Kho bạc nhà nước, khi Tòa án giải quyết xong Ủy ban nhân dân huyện D chỉ đạo thực hiện chi trả tiền theo quy định.

Tại bản án số 52/2023/DS-ST, ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 585 của Bộ luật Dân sự; Điều 62 và Điều 74 của Luật Đất đai; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thanh H.

2. Anh Võ Thanh H có quyền liên hệ cơ quan đang tạm giữ số tiền bằng 140.616.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) để làm thủ tục nhận tiền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí thẩm định, về án phí và về quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, bà Trần Thị L làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử cho bà L được nhận $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) trong tổng số tiền bồi thường giá trị đất bằng 70.308.000 đồng (Bảy mươi triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng).

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy khi bà L1 thỏa thuận chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông C, thì bà L1 có chừa một phần diện tích đất để dẫn nước ra vào diện tích đất còn lại của bà L1. Khi Ủy ban nhân dân huyện D thực hiện thủ tục thu hồi diện tích đất 631,2m² để phục vụ thi công công trình Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông H giai đoạn 2 thì trong quyết định thu hồi đất ghi thu hồi đất của bà L, hiện trạng do anh H sử dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm, bà L cũng thừa nhận bà L không có sử dụng diện tích đất bị thu hồi, mà do anh H là người trực tiếp sử dụng. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử công nhận cho anh H được nhận tiền bồi thường giá trị đất là có căn cứ. Bà L kháng cáo xin được nhận $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) trong tổng số tiền bồi thường giá trị đất, là không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tiêu Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông H giai đoạn 2 trên địa bàn huyện D vắng mặt tại phiên tòa, nhưng việc vắng mặt không liên quan đến yêu cầu kháng cáo của bà L, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Bị đơn bà Trần Thị L kháng cáo xin được nhận $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) trong tổng số tiền bồi thường giá trị đất bị thu hồi bằng 70.308.000 đồng (Bảy mươi triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng). Xét thấy, diện tích đất bị thu hồi để phục vụ thi công công trình Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông H giai đoạn 2 địa bàn huyện D, là 631,2m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà L, thửa số 183, diện tích 13.965m², tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

[3] Tuy nhiên, anh H khai, nguồn gốc đất của bà L trước kia, là của bà L1 (Mẹ của anh H) chuyển nhượng cho ông Trần Văn C. Khi bà L1 chuyển nhượng đất cho ông C, bà L1 thỏa thuận với ông C chừa một phần diện tích đất đường dẫn nước ra vào diện tích đất còn lại của bà L1. Bà L1 không chuyển nhượng diện tích đất bị thu hồi 631,2m² cho ông C. Theo những người sinh sống ở gần khu vực đất tranh chấp như ông V và ông C1 trình bày “*Theo hiện trạng sử dụng đất của anh H và bà L có*

ranh đất ổn định từ trước đến nay, không có thay đổi về ranh đất. Lúc bà L1 chuyển nhượng đất cho ông C, bà L1 có giao kèo là phải chừa đường thoát nước vào đất của bà L1. Khi ông C còn sử dụng đất thì không có tranh chấp với anh H, ranh đất giữa hai bên không có thay đổi” (BL 80, 82). Theo nội dung Công văn số 1176/UBND-NC, ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện D “...Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L1, diện tích đất 13.965m², thửa số 183, tờ bản đồ số 4, là đúng về trình tự, thủ tục; chưa đúng đối tượng sử dụng đất, chưa đúng diện tích đất tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” (BL 68). Từ cơ sở này, lẽ ra phải hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông C với bà L để cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho L đúng hiện trạng thực tế. Nhưng do diện tích đất 631,2m² đã có quyết định thu hồi để phục vụ thi công công trình Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào Sông H giai đoạn 2 địa bàn huyện D. Và Tòa án giải quyết vụ án này, là giải quyết tranh chấp tiền bồi thường giá trị đất bị thu hồi, nên không xem xét việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L2.

[4] Mặt khác, theo quyết định thu hồi đất và bản chi tiết áp giá bồi thường, hỗ trợ đền ghi “Thu hồi đất của bà L, hiện trạng do anh H đang sử dụng” (BL 11, 12). Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà L đều khai, anh H là trực tiếp sử dụng diện tích đất 631,2m². Bà L không có sử dụng diện tích đất này. Như vậy, việc bà L tranh chấp tiền bồi thường giá trị đất bị thu hồi với anh H, chủ yếu bà L căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L không đúng hiện trạng thực tế sử dụng đất và không đúng với lời khai của bà L về người trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất bị thu hồi. Tòa án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xác định anh H là người được nhận số tiền bồi thường giá trị đất bị thu hồi bằng 140.616.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng), là có căn cứ. Bà L kháng cáo xin được nhận ½ (Một phần hai) trong tổng số tiền bồi thường giá trị đất bị thu hồi, là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bà L là người cao tuổi, được Tòa án sơ thẩm chấp nhận cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên Tòa án phúc thẩm không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L.

Giữ nguyên bản án số 52/2023/DS-ST, ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Trà Vinh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thanh H.

2. Xác định anh Võ Thanh H là người có quyền được nhận số tiền bồi thường giá trị đất bị thu hồi bằng 140.616.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng). Ủy ban nhân dân huyện D chỉ đạo Tiểu Hội đồng bồi thường huyện D thực hiện thủ tục chi trả tiền cho anh Võ Thanh H theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí đo đạc: Buộc bà Trần Thị L phải chịu số tiền bằng 1.883.000 đồng (Một triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng), để hoàn trả cho anh Võ Thanh H.

Anh Võ Thanh H để Tòa án nhân dân huyện D nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng còn thừa bằng 6.117.000 đồng (Sáu triệu một trăm mười bảy nghìn đồng).

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị L.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho anh Võ Thanh H bằng 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0015942, ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Bà Trần Thị L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên Tòa án phúc thẩm không xử lý.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Đê